

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 22 - 7 - 2020.

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhàn.
2. Bà Cao Thị Diệu Hiền.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2020/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 6 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị L - sinh năm: 1986 (*có mặt*).

Địa chỉ: ấp N, xã Đ, TP S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh P - sinh năm: 1980 (*có mặt*).

Địa chỉ: khóm K, Phường H, TP S, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn là chị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị L và anh P tìm hiểu khoảng 02 năm thì tiến đến hôn nhân, tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 25/10/2004 tại UBND Phường 2, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì P sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh P thường xuyên uống rượu, kiếm chuyện gây gỗ, đánh đập chị L nhưng chị L không báo chính quyền địa phương. Về kinh tế gia đình, anh P không lo phụ, tiếp giúp gì được cho chị L. Tiền bạc kiếm được anh P chỉ lo ăn chơi, cờ bạc, đá gà. Chị L

khuyên nhiều lần, anh P không thay đổi. Khoảng 03 tháng nay, chị L chịu đựng không nổi nên đã bỏ nhà đi Nha Trang làm. Từ đó, chị L chặn điện thoại của anh P, vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Nay tình cảm không còn, hôn nhân không hạnh phúc, chị L yêu cầu ly hôn anh P.

Tại phiên tòa, chị L xác định không còn tình cảm với anh P, vợ chồng không có sự thương yêu, quan tâm và tin tưởng lẫn nhau; mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân với anh P không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L không thể tiếp tục chung sống với anh P; trường hợp Tòa án không cho ly hôn, chị L cương quyết không trở về sống chung với anh P. Chị L thiết tha yêu cầu được ly hôn anh P.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống, có 01 con chung tên L1 - sinh ngày: 22/9/2004 (*hiện đang sống với anh Phát*). Khi ly hôn, chị L yêu cầu được quyền nuôi con chung. Chị L yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án bị đơn là anh P trình bày:

- Về hôn nhân: Về thời gian chung sống, tìm hiểu, tổ chức đám cưới thống nhất theo lời trình bày của chị L. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 - 2015 thì P sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do quan điểm sống không phù hợp. Anh P nghi ngờ, ghen tuông vì thấy chị L nhắn tin điện thoại, anh P yêu cầu chị L đưa anh P xem chị L không đồng ý nên vợ chồng cự cãi, anh P có đánh chị L. Ngoài ra bản thân anh P trước đây cũng có ăn nhậu, cờ bạc, đá gà, nhưng từ khi chị L bỏ đi, anh P đã thay đổi, lo làm ăn để nuôi con.

Nay về tình cảm, anh P vẫn còn thương chị L. Anh P mong muốn vợ chồng hàn gắn để cháu L1 có đầy đủ tình thương của cha mẹ. Do đó, anh P không đồng ý ly hôn chị L.

- Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên L1 - sinh ngày: 22/9/2004 (*hiện đang sống với anh P*). Trường hợp ly hôn, anh P đồng ý để cho chị L được quyền nuôi con chung sau ly hôn.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh P đồng ý theo như yêu cầu của chị L. Anh P đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng và tự nguyện cấp dưỡng thêm mỗi tháng 2.000.000 đồng; tổng cộng là 4.000.000 đồng cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Anh P xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, con của chị L và anh P là cháu L1 trình bày: Trường hợp cha mẹ ly hôn thì cháu L1 có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị L.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Xuân L.

- Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị L, anh P về việc nuôi con chung sau ly hôn. Chị L được quyền nuôi con chung tên L1 - sinh ngày: 22/9/2004 (*hiện đang sống với anh P*). Anh P có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của anh P về việc đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 4.000.000 đồng cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do các bên đương sự chị L và anh P cùng xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn anh P là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Chị L và anh P chung sống vợ chồng từ năm 2004, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/10/2004 tại UBND Phường 2, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh P được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, giữa chị L và anh P đã P sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, giữa vợ chồng không có sự thương yêu, tin tưởng, quan tâm, lo lắng cho nhau; vợ chồng không có sự cảm thông, chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống và công việc. Về phía anh P thường xuyên uống rượu, kiếm chuyện, gây gổ thậm chí là đánh chị L. Ngoài ra, anh P còn nghi ngờ ghen tuông, cho rằng chị L có quan hệ tình cảm với người khác bên ngoài. Từ đó, vợ chồng

thường xuyên cự cãi, tình cảm ngày càng bị tổn thương, rạn nứt, không thể hàn gắn. Khoảng tháng 3/2020, vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm, lo lắng cho nhau. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án; Tòa án cũng đã động viên, hàn gắn nhưng chị L vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn anh P.

Tại phiên tòa, chị L xác định nếu Tòa án không cho chị L ly hôn anh P thì chị L cũng không về chung sống với anh P. Về phía anh P không đồng ý ly hôn chị L, nhưng từ tháng 3/2020 đến nay, vợ chồng sống ly thân anh P cũng không tìm gặp chị L để hàn gắn tình cảm, vợ chồng chỉ gặp nhau những lúc về thăm con. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh P đã không thể hàn gắn được, mâu thuẫn giữa chị L và anh P đã thực sự trầm trọng. Do đó, chị L yêu cầu ly hôn anh P là có căn cứ và phù hợp với quy pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được...”

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Khi ly hôn, chị L có yêu cầu được nuôi con chung tên Võ Hoàng Phi L1 - sinh ngày: 22/9/2004 (*hiện đang sống với anh P*). Chị L yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi. Về phía anh P cũng đồng ý giao con chung cho chị L được quyền nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 4.000.000 đồng cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu của chị L và sự tự nguyện đồng ý cấp dưỡng và giao cháu L1 cho chị L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu L1 và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu L1 nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của anh P về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Anh P được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do các bên đương sự, chị L và anh P cùng xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn và cấp dưỡng nuôi con*) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L. Cho chị L ly hôn anh P.

2. Về nuôi con chung: Chị L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên L1 - sinh ngày: 22/9/2004 (*hiện đang sống với anh P*).

- Anh P có trách nhiệm giao con chung tên L1 - sinh ngày: 22/9/2004 cho chị Phạm Thị Xuân L nuôi dưỡng.

- Anh Võ Tấn P có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 4.000.000 (*Bốn triệu*) đồng. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi.

4. Về chia tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị L nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị L đã nộp ngày 17/6/2020 theo biên lai thu số 0001166 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ tiền án phí phải nộp.

- Anh P nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về cấp dưỡng nuôi con*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh DT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- UBND Phường 2, TP Sa Đéc, DT;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

(đã ký)

Trần Quốc Danh